TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 38/2019/QĐST-DS.	*Thạnh Trị, ngày 26 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dân.

2. Ông Trần Văn Dá

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 114/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Y, sinh năm 1949

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện T, Sóc Trăng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông V*: Luật sư Nguyễn Văn U, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp 2, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trần Thị A, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Số 210, ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Trần Thị X, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Số 64 đường TH, khóm A, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 164 ấp HK, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Lê Phú Q, sinh năm 1968.

5. Ông Lê Thành S, sinh năm 1966.

6. Ông Lê Chí G, sinh năm 1981.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Q, ông S, ông G: Bà Trần Thị Y (nguyên đơn), theo văn bản ủy quyền đề ngày 23/02/2017.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện T, Sóc Trăng.

7. Ông Lê Quang C, sinh năm 1995.

8. Bà Lê Thị N, sinh năm 1972.

9. Ông Lê Hoàng M, sinh năm 1992.

10. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã L, huyện T, Sóc Trăng

11. Bà Trần Thị P, sinh năm 1972.

Người đại diện theo ủy quyền của chị P: Bà Trần Thị A, theo văn bản uỷ quyền ngày 23/10/2017.

Cùng địa chỉ: số 210 đường TH, ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các đương sự nguyên đơn bà Trần Thị Y, bị đơn ông Nguyễn Hoàng V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị A, bà Trần Thị X, bà Lê Thị H, bà Nguyễn Thị E, anh Lê Hoàng M thống nhất thỏa thuận giải quyết đất tranh chấp tại các thửa 262, 362, 404, 485, 374 tờ bản đồ số 05 tọa lạc ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do hộ bà Nguyễn Thị L được Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất ngày 16/02/1995, vào sổ cấp giấy số 00031 như sau:

- Bà Trần Thị Y được quyền sử dụng:

1. thửa 362 diện tích đo thực tế 3.160m^2 có tứ cạnh như sau:

   + Hướng Đông giáp 361 có số đo 89,5m

   + Hướng Tây giáp thửa giáp thửa 363, 364 có số đo 84m

   + Hướng Nam giáp huyện lộ 61 có số đo 38m

   + Hướng Bắc giáp giáp thửa 262, 263 có số đo 36m

2. thửa 404 diện tích đo đạc thực tế 2.481,8m^2 có tứ cạnh như sau:

   + Hướng Đông giáp thửa 405 có số đo 63,2

   + Hướng Tây giáp thửa 365, 403 có số đo 68,2

+ Hướng Nam giáp thửa 402 có số đo 38m

+ Hướng Bắc giáp huyện lộ 61 có số đo 38m

3. thửa 485 diện tích đo đạc thực tế 2.091m^2 có tứ cạnh như sau:

Phần thứ nhất:

+ Hướng Đông giáp huyện lộ 62 có số đo 63,2m

+ Hướng Tây giáp thửa 487 có số đo 52,6m

+ Hướng Nam giáp thửa 484 có số đo 46,2m

+ Hướng Bắc giáp thửa 383 có số đo 24,2m

Phần thứ hai (hình tam giác)

+ Hướng Đông giáp thửa 384 có số đo 17,5m

+ Hướng Tây giáp bờ kênh có số đo 21,5m

+ Hướng Nam bờ kênh là một điểm.

+ Hướng Bắc giáp thửa 383 có số đo 13m

- Bà Trần Thị Y, bà Trần Thị A, bà Trần Thị X cùng được quyền sử dụng mỗi người một phần như nhau đối với phần đất thửa 262 diện tích 1.400m^2 (bao gồm diện tích bà Y đang sử dụng 521,9m^2 và phần diện tích 878,1m^2 ông V giao trả), có tứ cạnh như sau:

* Phần thửa 262 bà Y đang sử dụng:

+ Hướng Đông giáp thửa 263 có số đo 12,2m

+ Hướng Tây giáp thửa 261 có số đo 16,5m

+ Hướng Nam giáp lộ đal có số đo 36,7m

+ Hướng Bắc giáp kênh thủy lợi có số đo 36,7m

* Phần thửa 262 ông V có nghĩa vụ giao trả:

+ Hướng Đông giáp phần đất còn lại thửa 262 có số đo 66,3m

+ Hướng Tây giáp thửa 261 có số đo 65m

+ Hướng Nam giáp thửa 363 có số đo 10m

+ Hướng Bắc giáp lộ đal có số đo 17m

Ông Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ giao trả bà Y thửa 362, 404; giao trả bà Y, bà A, bà X một phần thửa 262 diện tích như đã nêu trên vào ngày 31/12/2019.

- Ông Nguyễn Hoàng V được quyền sử dụng các thửa:

1. Một phần thửa 262 diện tích 1.324,4m^2 có tứ cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 263 có số đo 68,5m

+ Hướng Tây giáp thửa giáp phần đất còn lại thửa 262 có số đo 66,3m

+ Hướng Nam giáp thửa giáp thửa 362 có số đo 19,6m

+ Hướng Bắc giáp lộ đal có số đo 19,7m

2. Thửa 374 diện tích đo đạc thực tế 6.204m^2

+ Hướng Đông có số đo 87,9m + 14,3m

+ Hướng Tây có số đo 88,4m + 12,4m

+ Hướng Nam có số đo 63m

+ Hướng Bắc có số đo 58,5m

- Án phí: Bà Y, bà A, bà X được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông nguyễn Hoàng V nộp án phí trên phần di sản được hưởng số tiền án phí là 13.955.800 (mười ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm) đồng.

- Chí phí thẩm định, định giá: Tổng chi phí số tiền 16.980.000 (mười sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng ông V đồng ý nộp, ông V được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí thẩm định đã nộp 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng, ông V còn phải nộp tiếp số tiền là 15.780.000 (mười lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng. Bà Y được nhận lại tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá số tiền 25.064.136 đồng (trong đó nhận lại 15.780.000 đồng sau khi ông V nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, nhận lại 9.284.163 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Bích Phượng

Nơi nhận:
- Đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.